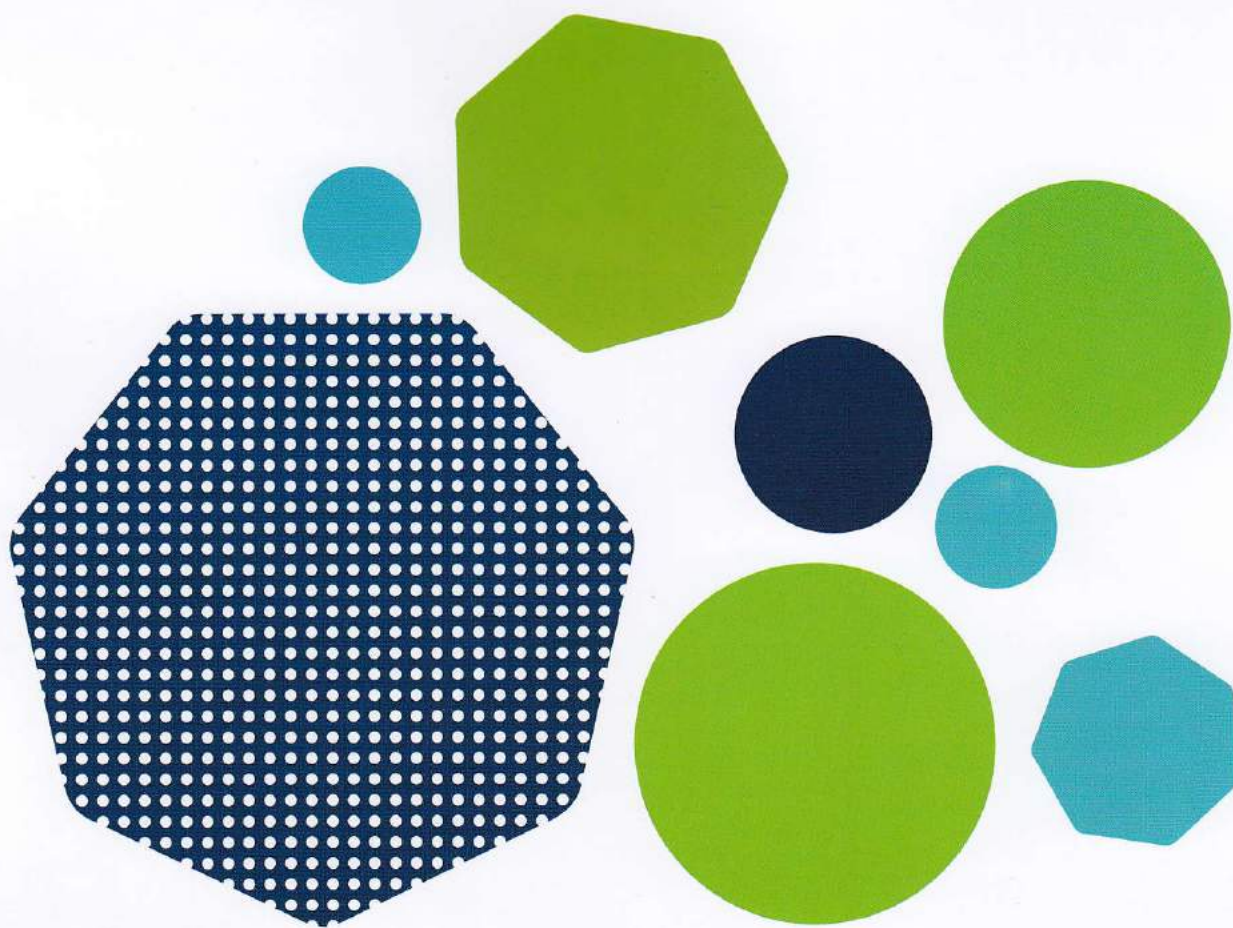


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-33



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lưu Hoàng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó chủ tịch
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Trần Hải Minh	Thành viên
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vi Tường Thúy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

Bà Hoàng Thị Anh Lê

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA**

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Hữu Quang

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 01/03/2018.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0798-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2019*

**Lê Quang Nghĩa**

**Kiểm toán viên**

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.944.845.920</b>	<b>15.499.629.218</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.558.072.359</b>	<b>5.486.186.891</b>
Tiền	111		3.558.072.359	1.986.186.891
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>2.700.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.000.000.000	2.700.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.828.935.492</b>	<b>5.726.749.713</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.413.268.275	7.768.247.210
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	50.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.081.932.365	6.892.100.604
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 9	(9.666.265.148)	(8.983.598.101)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>835.946.661</b>	<b>814.065.615</b>
Hàng tồn kho	141	10	835.946.661	814.065.615
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>721.891.408</b>	<b>772.626.999</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	69.535.501	86.090.869
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.154.540
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	652.355.907	684.381.590
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.249.716.832</b>	<b>904.885.026</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>111.840.000</b>	<b>214.029.853</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	111.840.000	214.029.853
- Nguyên giá	222		20.385.696.316	21.183.079.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.273.856.316)	(20.969.049.863)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		6.211.957.943	6.211.957.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.211.957.943)	(6.211.957.943)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(510.000.000)	(510.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.137.876.832</b>	<b>690.855.173</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.137.876.832	690.855.173
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>18.194.562.752</b>	<b>16.404.514.244</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.790.954.405</b>	<b>1.993.692.690</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.178.405</b>	<b>1.168.155.190</b>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	482.998.425
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	105.178.405	671.179.459
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	-	13.977.306
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.685.776.000</b>	<b>825.537.500</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	1.685.776.000	825.537.500
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.403.608.347</b>	<b>14.410.821.554</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>16.403.608.347</b>	<b>14.410.821.554</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.906.791.393)	(16.899.578.186)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(16.899.578.186)	(17.300.705.103)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.992.786.793	401.126.917
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>18.194.562.752</b>	<b>16.404.514.244</b>



**Hà Hữu Quang**  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

**Hoàng Thị Anh Lê**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Kiều Oanh**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết	Năm 2018	Năm 2017
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	56.533.993.604	60.669.421.957
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		56.533.993.604	60.669.421.957
Giá vốn hàng bán	11	20	41.826.299.871	45.733.737.316
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.707.693.733	14.935.684.641
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	431.687.695	175.990.238
Chi phí tài chính	22	22	20.432.735	46.842.915
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	23	1.963.538.472	2.360.863.320
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	11.150.099.471	12.300.260.933
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.005.310.750	403.707.711
Thu nhập khác	31	25	2.146.318	31.208.821
Chi phí khác	32	26	14.670.275	33.789.615
Lợi nhuận khác	40		(12.523.957)	(2.580.794)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.992.786.793	401.126.917
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.992.786.793	401.126.917
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	687	138
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	687	138



Hà Hữu Quang  
Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Anh Lê  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	61.148.828.673	63.539.745.885
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(37.686.959.283)	(38.724.565.270)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(10.920.487.048)	(11.697.660.052)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.045.358.164	3.513.514.797
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(13.574.105.505)	(12.025.916.901)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.012.635.001</b>	<b>4.605.118.459</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	30.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.800.000.000)	(2.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.550.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	286.995.856	93.345.630
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.933.004.144)</b>	<b>(2.606.654.370)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.920.369.143)</b>	<b>1.998.464.089</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.486.186.891</b>	<b>3.488.124.681</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.745.389)	(401.879)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3.558.072.359</b>	<b>5.486.186.891</b>

(\*) Từ năm 2018, Công ty trình bày Báo cáo lưu chuyển theo phương pháp trực tiếp (thay cho phương pháp gián tiếp). Theo đó, các số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu năm nay.



Hà Hữu Quang  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Anh Lê  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0303207317 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 06 năm 2013.

Theo Giấy đăng ký giao dịch cổ phiếu số 88/TTGDHN – ĐKGD của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 19 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với các nội dung như sau:

- Loại cổ phiếu: Phổ thông;
- Mã chứng khoán: VBH;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu: 2.900.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 29.000.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch.

Ngày 26/05/2017, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm liên tiếp (năm 2014, năm 2015 và năm 2016) của Công ty bị lỗ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tại ngày 31/12/2018, số lượng công nhân viên của Công ty là 213 người.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán sản phẩm, thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng và phần mềm);
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh;
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi;
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là gia công linh kiện, cụm linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

**3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền hệ điều hành Microsoft.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Năm</b>
Bản quyền	03

**3.9 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

*Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh*

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013, sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tại Doanh nghiệp, trong đó sửa đổi về mức trích dự phòng giảm giá đầu tư với các khoản đầu tư dài hạn.

**3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng dưới một năm. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 03 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	385.183.321	902.851.207
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.172.889.038	1.083.335.684
Các khoản tương đương tiền	-	3.500.000.000
	<b>3.558.072.359</b>	<b>5.486.186.891</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>69.535.501</b>	<b>86.090.869</b>
- Công cụ dụng cụ phân bổ	27.678.332	27.015.871
- Chi phí thuê đất, bảo hiểm và chi phí khác	41.857.169	59.074.998
<b>Dài hạn</b>	<b>1.137.876.832</b>	<b>690.855.173</b>
- Công cụ dụng cụ phân bổ	25.725.000	-
- Phí lưu trữ tiền miễn, web, chữ ký số và phí bản quyền phần mềm	19.428.246	124.952.798
- Hệ thống báo cháy	-	4.785.414
- Chi phí sửa chữa xưởng, máy biến thế	1.092.723.586	561.116.961
	<b>1.207.412.333</b>	<b>776.946.042</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.700.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)	8.000.000.000	-	2.700.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>510.000.000</b>	<b>(510.000.000)</b>	<b>510.000.000</b>	<b>(510.000.000)</b>
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>510.000.000</b>	<b>(510.000.000)</b>	<b>510.000.000</b>	<b>(510.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (2)	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
	<b>8.510.000.000</b>	<b>(510.000.000)</b>	<b>3.210.000.000</b>	<b>(510.000.000)</b>

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng;

(2) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 8 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với hoạt động chính là gia công, sản xuất kinh kiện điện tử. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30% trên vốn thực góp. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh và lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>6.413.268.275</b>	<b>(2.947.076.630)</b>	<b>7.768.247.210</b>	<b>(2.264.409.583)</b>
- Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(1.870.174.278)	2.671.677.540	(1.335.838.770)
- Tohozince Co., LTD	1.085.744.264	-	2.021.656.441	-
- Công ty Cổ phần Điện và Điện tử TCL	587.974.998	-	360.514.358	-
- Công ty Cổ phần Điện tử Thủ đức 1	668.679.020	(659.740.860)	668.679.020	(517.920.346)
- Nexus Electronics SND BHD	447.199.358	-	598.566.558	-
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(81.327.531)	97.369.095	(57.463.991)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	288.131.651	(280.160.201)	318.131.651	(269.819.894)
- Huỳnh Anh Hiệp	107.932.800	(55.673.760)	99.570.400	(29.809.640)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	458.559.549	-	932.082.147	(53.556.942)
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>6.413.268.275</b>	<b>(2.947.076.630)</b>	<b>7.768.247.210</b>	<b>(2.264.409.583)</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>288.131.651</b>	<b>(280.160.201)</b>	<b>318.131.651</b>	<b>(269.819.894)</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	288.131.651	(280.160.201)	318.131.651	(269.819.894)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-	<b>50.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	-	-	50.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	-	-	<b>50.000.000</b>	-
<b>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	-	-	<b>50.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	-	-	50.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.081.932.365</b>	<b>(6.719.188.518)</b>	<b>6.892.100.604</b>	<b>(6.719.188.518)</b>
- Kinh phí công đoàn	-	-	1.492.925	-
- Bảo hiểm xã hội	102.306.521	-	84.175.615	-
- Chi tạm ứng lương cho nhân viên	192.683.000	-	-	-
- Các khoản chi hộ	67.754.326	-	87.243.546	-
- Phải thu khác	6.719.188.518	(6.719.188.518)	6.719.188.518	(6.719.188.518)
+ Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long (1)	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
+ Công ty TNHH Kiến Quang (1)	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
+ Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco (2)	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>7.081.932.365</b>	<b>(6.719.188.518)</b>	<b>6.892.100.604</b>	<b>(6.719.188.518)</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>1.949.158.918</b>	<b>(1.949.158.918)</b>	<b>1.949.158.918</b>	<b>(1.949.158.918)</b>
+ Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)

(1) Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện;

(2) Khoản phải thu Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco gồm khoản ứng trước 446.500.000 đồng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên hợp đồng hợp tác đã ngừng triển khai và khoản phải thu lãi chậm trả 1.502.658.918 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	141.207.738	-	650.220.901	-
Công cụ, dụng cụ	94.474.720	-	90.539.911	-
Thành phẩm	600.264.203	-	73.304.803	-
	<b>835.946.661</b>	<b>-</b>	<b>814.065.615</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2018	16.566.587.624	1.420.974.155	2.075.327.551	1.120.190.386	21.183.079.716
- Thanh lý, nhượng bán	-	(797.383.400)	-	-	(797.383.400)
<b>31/12/2018</b>	<b>16.566.587.624</b>	<b>623.590.755</b>	<b>2.075.327.551</b>	<b>1.120.190.386</b>	<b>20.385.696.316</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2018	(16.411.985.526)	(1.420.974.155)	(2.031.173.896)	(1.104.916.286)	(20.969.049.863)
- Khấu hao trong năm	(42.762.098)	-	(44.153.655)	(15.274.100)	(102.189.853)
- Thanh lý, nhượng bán	-	797.383.400	-	-	797.383.400
<b>31/12/2018</b>	<b>(16.454.747.624)</b>	<b>(623.590.755)</b>	<b>(2.075.327.551)</b>	<b>(1.120.190.386)</b>	<b>(20.273.856.316)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2018	154.602.098	-	44.153.655	15.274.100	214.029.853
<b>31/12/2018</b>	<b>111.840.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>111.840.000</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 20.199.296.316 đồng (tại 01/01/2018 là 20.434.818.263 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	793.829.334	688.650.929	105.178.405
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.776.664.854	1.776.664.854	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	587.022.718	587.022.718	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	19.434.567	19.434.567	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	671.179.459	4.160.248.920	4.831.428.379	-
- Tiền thuế đất phi nông nghiệp	-	42.700.914	42.700.914	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	<b>671.179.459</b>	<b>7.383.901.307</b>	<b>7.949.902.361</b>	<b>105.178.405</b>
	01/01/2018	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	652.355.907	-	-	652.355.907
- Tiền thuế đất phi nông nghiệp	32.025.683	-	32.025.683	-
	<b>684.381.590</b>	<b>-</b>	<b>32.025.683</b>	<b>652.355.907</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền hệ điều hành Microsoft đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 108.436.107 đồng.

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa vật kiến trúc đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 6.211.957.943 đồng.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	-	13.977.306
- Chi phí xuất nhập hàng, lệ phí hải quan	-	13.977.306
Dài hạn	-	-
	<u>-</u>	<u>13.977.306</u>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	1.685.776.000	825.537.500
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.685.776.000	825.537.500
	<u>1.685.776.000</u>	<u>825.537.500</u>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	29.000.000.000	2.310.399.740	(17.300.705.103)	14.009.694.637
- Lãi trong năm trước	-	-	401.126.917	401.126.917
31/12/2017	<u>29.000.000.000</u>	<u>2.310.399.740</u>	<u>(16.899.578.186)</u>	<u>14.410.821.554</u>
01/01/2018	29.000.000.000	2.310.399.740	(16.899.578.186)	14.410.821.554
- Lãi trong năm	-	-	1.992.786.793	1.992.786.793
31/12/2018	<u>29.000.000.000</u>	<u>2.310.399.740</u>	<u>(14.906.791.393)</u>	<u>16.403.608.347</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CHỦ SỞ HỮU**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tổng Công ty điện tử Tin học Việt Nam	14.790.000.000	14.790.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	7.911.000.000	7.911.000.000
- Các cổ đông khác	6.299.000.000	6.299.000.000
	<b>29.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>

**17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	29.000.000.000	29.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.000.000.000	29.000.000.000
- <b>Cổ tức đã chia trong năm</b>	-	-

**17.4 CỔ PHIẾU**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.900.000	2.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**17.5 CÁC QUỸ**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	2.310.399.740	2.310.399.740

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại (USD)	72.716,96	26.185,36
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	30.303.500	30.303.500

Tài sản nhận giữ hộ: Đến ngày 31/12/2018, Công ty còn nhận giữ hộ máy móc thiết bị, vật tư để gia công cho khách hàng Tohozinc Co., Ltd. với giá trị 13.873.974,96 JPY, 70.000.000VND và 8.545 USD và cho khách hàng Nexus Electronics SDH BHD với giá trị là 256.156,23 USD.

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Doanh thu bán thành phẩm	40.254.955.591	44.632.060.188
- Doanh thu bán vật tư	253.910.775	1.254.857.751
- Doanh thu khác	16.025.127.238	14.782.504.018
	<b>56.533.993.604</b>	<b>60.669.421.957</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>10.032.000</b>	<b>10.032.000</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	10.032.000	10.032.000

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán thành phẩm	37.495.277.211	40.820.375.490
Giá vốn bán vật tư	81.944.490	984.512.939
Giá vốn kinh doanh khác	4.249.078.170	3.928.848.887
	<b>41.826.299.871</b>	<b>45.733.737.316</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	286.995.856	93.345.630
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	144.691.839	82.644.608
	<b>431.687.695</b>	<b>175.990.238</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.636.215	43.889.086
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.796.520	2.953.829
	<b>20.432.735</b>	<b>46.842.915</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>11.150.099.471</b>	<b>12.300.260.933</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.912.202.757	5.506.251.598
- Chi phí đồ dùng văn phòng	336.926.200	346.832.322
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.119.455	60.584.000
- Tiền thuê đất, thuế phí, lệ phí	2.411.846.370	2.424.118.213
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	682.667.047	1.865.997.597
- Chi phí thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	127.200.000	127.200.000
- Chi phí bằng tiền khác	1.628.137.642	1.969.277.203
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>1.963.538.472</b>	<b>2.360.863.320</b>
- Chi phí bao bì, công cụ dụng cụ	1.402.476.047	2.031.442.814
- Chi phí xuất hàng	307.139.680	312.146.547
- Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới	251.379.545	16.125.000
- Chi phí bằng tiền khác	2.543.200	1.148.959

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	19.494.166.843	21.421.870.295
Chi phí nhân công	20.581.126.306	23.086.736.186
Khấu hao tài sản cố định	102.189.853	258.898.370
Chi phí dự phòng	682.667.047	1.865.997.597
Chi phí khác	14.606.747.165	13.834.663.924
	<b>55.466.897.214</b>	<b>60.468.166.372</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.144.443	-
Các khoản thu nhập khác	1.875	31.208.821
	<b>2.146.318</b>	<b>31.208.821</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	1.920.273	-
Chi phí đền bù, bồi thường	-	30.787.126
Chi phí khác	12.750.002	3.002.489
	<b>14.670.275</b>	<b>33.789.615</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**27.1 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.992.786.793	401.126.917
Các khoản chi phí không được khấu trừ	203.553.815	145.051.000
- Chi phí không hợp lý	203.553.815	145.051.000
Lỗ tính thuế của các năm trước chuyển sang	2.196.340.608	546.177.917
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

**27.2 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng phần chênh lệch tạm thời được khấu trừ do Công ty đánh giá không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai theo quyết định của Chuẩn mực kiểm toán số 17 – “Thuế thu nhập doanh nghiệp”, để có thể sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận tính thuế phát sinh trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hiệu lực chuyển lỗ	Số lỗ chuyển sang	Số lỗ đã sử dụng đến 31/12/2018	Số lỗ chưa sử dụng đến 31/12/2018 VND
2014	2019	(4.101.733.332)	2.196.340.608	(1.905.392.724)
2015	2020	(5.341.625.085)	-	(5.341.625.085)
2016	2021	(6.527.294.344)	-	(6.527.294.344)
				<b>(13.774.312.153)</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.992.786.793	401.126.917
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	687	138

**29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 3.15.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.558.072.359	5.486.186.891
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.000.000.000	2.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.466.191.645	5.503.837.627
<b>Cộng</b>	<b>15.024.264.004</b>	<b>13.690.024.518</b>
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.685.776.000	825.537.500
Chi phí phải trả	-	13.977.306
<b>Cộng</b>	<b>1.685.776.000</b>	<b>839.514.806</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>13.338.488.004</b>	<b>12.850.509.712</b>

**Trạng thái ròng**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến các công cụ tài chính của Công ty là thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam, các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản tiền gốc và tiền lãi (nếu có). Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2018</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	-	1.685.776.000	1.685.776.000
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.685.776.000</b>	<b>1.685.776.000</b>
<b>01/01/2018</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	-	825.537.500	825.537.500
Chi phí phải trả	13.977.306	-	13.977.306
<b>Cộng</b>	<b>13.977.306</b>	<b>825.537.500</b>	<b>839.514.806</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.558.072.359	-	3.558.072.359
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.466.191.645	-	3.466.191.645
<b>Cộng</b>	<b>15.024.264.004</b>	<b>-</b>	<b>15.024.264.004</b>
<b>01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.486.186.891	-	5.486.186.891
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.700.000.000	-	2.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.503.837.627	-	5.503.837.627
<b>Cộng</b>	<b>13.690.024.518</b>	<b>-</b>	<b>13.690.024.518</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. THÔNG TIN KHÁC**

**31.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Mua hàng từ bên liên quan		1.235.035.000	1.279.031.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Công ty liên kết	1.235.035.000	1.279.031.000

Thu nhập của ban Giám đốc

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	840.973.000	823.292.000

**31.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.



Hà Hữu Quang  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Hoàng Thị Anh Lê  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh  
Người lập